

Bản án số: 990/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 20 - 8 - 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mai Lan

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2020, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 588/2020/TLST-HN, ngày 26/5/2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 31/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H; *nơi cư trú:* Số D, đường L, phường A, Quận H.

Bị đơn: Ông Phan Văn K; *nơi cư trú:* Số B đường P, Phường N, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 15/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H trình bày:

Bà và ông K tự nguyện tìm hiểu, sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2016, ngày 12/10/2016 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận B cấp.

Quá trình sống chung, ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hoà hợp về cách sống. Mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 7/2019, ông bà sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân, ông bà không quan tâm gì đến nhau. Ông K không có nghĩa vụ gì đối với bà

và con chung. Tình cảm vợ chồng không còn, nghĩa vụ đối với nhau cũng không có nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà được ly hôn với ông K;
- Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên Phan Phúc K, sinh ngày 09/12/2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020 và biên bản ghi nhận ngày 23/7/2020, bị đơn - ông Phan Văn K trình bày:* Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và đề nghị Tòa án các cấp xét xử vắng mặt ông.

3. *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà H phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục giải quyết:

Bà H có đơn tranh chấp về ly hôn với ông K. Ông K cư trú tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Về người tham gia tố tụng:

Bà H và ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đây là ý chí của bà H và ông K. Yêu cầu của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa bà H và ông K là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2016, ngày 12/10/2016 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận B cấp nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông K đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, lời trình bày của ông K được xem là chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của các đương sự, xét thấy hôn nhân giữa ông bà không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung tên Phan Phúc K, sinh ngày 09/12/2017. Bà Huyền yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà Huyền không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H và ông Phan Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2016, ngày 12/10/2016 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận B cấp không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung tên Phan Phúc K, sinh ngày 09/12/2017. Bà H trực tiếp nuôi con chung. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Trên cơ sở lợi ích con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà H phải chịu. Cấn trừ vào số tiền bà H đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0026191, ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà H và ông K được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hạnh